

ĐỀ SỐ 3

(Cho $Fe = 56$; $Na = 23$; $Ca = 40$; $Mg = 24$; $Mn = 55$; $Cu = 64$; $Al = 27$; $Zn = 65$, $S = 32$, $O = 16$; $Cl = 35,5$; $Ag = 108$; $H = 1$)

Câu 1. Số oxi hoá của clo trong các chất: $NaCl$, $NaClO$, $KClO_3$, Cl_2 , $KClO_4$ lần lượt là:

- A. $-1, +1, +3, 0, +7$.
B. $-1, +1, +5, 0, +7$.
C. $-1, +3, +5, 0, +7$.
D. $+1, -1, +5, 0, +3$.

Câu 2. Khí nào sau đây có khả năng làm mất màu nước brom?

- A. N_2 .
B. CO_2 .
C. H_2 .
D. SO_2 .

Câu 3. Sục khí clo vào lượng dung dịch $NaOH$ ở nhiệt độ thường, sản phẩm là

- A. $NaCl$, $NaClO$.
B. $NaCl$, $NaClO_2$.
C. $NaCl$, $NaClO_3$.
D. Chỉ có $NaCl$.

Câu 4. Khi phản ứng thuận nghịch ở trạng thái cân bằng thì nó:

- A. Không xảy ra nữa
B. Chỉ xảy ra theo chiều thuận
C. Vẫn tiếp tục xảy ra
D. Chỉ xảy ra theo chiều nghịch

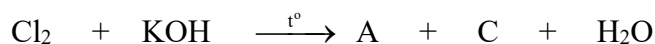
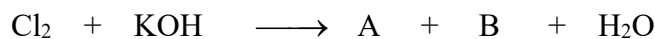
Câu 5. Có 4 dung dịch NaF , $NaCl$, $NaBr$, NaI đựng trong các lọ bị mất nhãn. Nếu dùng dung dịch $AgNO_3$ thì có thể nhận biết được

- A. 1 dung dịch
B. 2 dung dịch
C. 3 dung dịch
D. 4 dung dịch

Câu 6. Hóa chất nào sau đây không được đựng bằng lọ thủy tinh?

- A. HNO_3 .
B. HF .
C. HCl .
D. $NaOH$.

Câu 7. Cho sơ đồ:



Công thức hoá học của A, B, C, lần lượt là:

- A. KCl , $KClO$, $KClO_4$.
B. $KClO_3$, KCl , $KClO$.
C. KCl , $KClO$, $KClO_3$.
D. $KClO_3$, $KClO_4$, KCl .

Câu 8. Lưu huỳnh tác dụng với dung dịch kiềm nóng theo phản ứng sau:



Tỉ lệ số nguyên tử lưu huỳnh bị oxi hóa và số nguyên tử lưu huỳnh bị khử là:

- A. 2 : 1. B. 1 : 2. C. 1 : 3. D. 2 : 3.

Câu 9. Dẫn 1,12 lít khí SO_2 (đktc) vào 200ml dung dịch NaOH 1M, dung dịch được có chứa

- A. NaHSO_3
B. NaHSO_3 và Na_2SO_3
C. Na_2SO_3 và NaOH
D. Na_2SO_3

Câu 10. Cho 10 gam hỗn hợp Fe , FeO , Fe_2O_3 tác dụng với dung dịch H_2SO_4 loãng dư, thấy có 3,36 lít khí thoát ra (đktc). Thành phần % khối lượng của Fe trong hỗn hợp là:

- A. 84% B. 8,4 % C. 48% D. 42%

Câu 11. Biết tỉ khối hơi của hỗn hợp Y gồm oxi và ozon đối với khí metan là 2,4. Phần trăm theo thể tích của mỗi khí trong hỗn hợp Y là:

- A. 40%, 60% B. 70%, 30% C. 50%, 50% D. 45%, 55%

Câu 12. Cho phản ứng sau: Các chất phản ứng \rightarrow các chất sản phẩm. Yếu tố không ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng nói trên là:

- A. Nồng độ các chất phản ứng
B. Nồng độ các chất sản phẩm
C. Nhiệt độ Đề thi Hóa học kì 2 lớp 10 năm 2020 - Đề số 4
D. Chất xúc tác

Câu 13. Cho hỗn hợp gồm Fe và FeS hòa tan vào dung dịch HCl dư thu được 6,72 lít hỗn hợp khí (đktc). Dẫn toàn bộ hỗn hợp này qua dung dịch $\text{Pb}(\text{NO}_3)_2$ dư thu được 47,8 gam kết tủa đen. % khối lượng Fe và FeS có trong hỗn hợp ban đầu là:

- A. 25,2%; 74,8% B. 24,14%, 78,86% C. 32%; 68% D. 60%; 40%

Câu 14. Thể tích khí thu được sau phản ứng khi cho 6,5 gam Zn tác dụng với axit H_2SO_4 đặc nóng

- A. 4,48 lít B. 2,24 lít C. 3,36 lít D. 1,12 lít

Câu 15. 16,5 gam hỗn hợp Mg , Fe , Zn tác dụng vừa đủ với dung dịch H_2SO_4 loãng thấy thoát ra 4,48 lít khí H_2 (đktc). Sau phản ứng cô cạn thu được khối lượng muối khan là:

A. 34,3 gam B. 43,3 gam C. 35,7 gam D. 33,8 gam

Câu 16. Có 5 lọ mất nhãn có các muối NaCl , KNO_3 , $\text{Pb}(\text{NO}_3)_2$, CuSO_4 , FeCl_2 . Khi sục khí H_2S qua các dung dịch muối trên, có bao nhiêu trường hợp có phản ứng sinh ra kết tủa?

A. 1 B. 2 C. 4 D. 3

Câu 17. Trong gia đình, nồi áp suất được sử dụng để nấu chín kỹ thức ăn. Lí do nào sau đây là thích hợp cho việc sử dụng nồi áp suất?

A. Tăng áp suất và nhiệt độ lên thức ăn. B. Giảm hao phí năng lượng.
C. Giảm thời gian nấu ăn. D. Cả A, B và C đúng.

Câu 18. Hòa tan hoàn toàn 11,2 gam kim loại A có hóa trị II vào H_2SO_4 loãng thu được 4,48 lít H_2 (đktc). Kim loại A là:

A. Mg B. Zn C. Cu D. Fe

Câu 19. Khi tăng thêm 10°C , tốc độ phản ứng hóa học tăng lên 4 lần. Vậy khi giảm nhiệt độ từ 70°C xuống 40°C thì tốc độ phản ứng giảm đi

A. 2 lần B. 64 lần C. 128 lần D. 16 lần

Câu 20. Sản phẩm tạo thành của phản ứng giữa Fe_3O_4 với H_2SO_4 đặc, nóng, dư là:

A. $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$, SO_2 , H_2O
B. $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$, H_2O
C. FeSO_4 , SO_2 , H_2O
D. FeSO_4 , $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$

Câu 21. So sánh tốc độ của 2 phản ứng sau (thực hiện ở cùng nhiệt độ, thành phần Zn như nhau):

Zn + dung dịch CuSO_4 1M (1)
Zn + dung dịch CuSO_4 2M (2)

Kết quả thu được là:

A. 1 nhanh hơn 2. B. 2 nhanh hơn 1. C. như nhau. D. không xác định.

Câu 22. Có 2 dung dịch axit HCl có nồng độ 10% và 3%. Để thu được dung dịch axit HCl mới có nồng độ 5% thì phải trộn chúng theo tỉ lệ khối lượng là:

A. 2: 2 B. 2:3 C. 2:5 D. 2:4

Câu 23. Khí HCl khô khi gặp quỳ tím thì làm quỳ tím

A. chuyển sang màu đỏ. B. chuyển sang màu xanh.
C. không chuyển màu. D. chuyển sang không màu.

Câu 24. Các chất trong nhóm nào sau đây đều tác dụng với dung dịch HCl ?

A. Quỳ tím, SiO_2 , $\text{Fe}(\text{OH})_3$, Zn , Na_2CO_3 .

B. Quỳ tím, CuO , $\text{Cu}(\text{OH})_2$, Zn , Na_2CO_3 .

C. Quỳ tím, CaO , NaOH , Ag , CaCO_3 .

D. Quỳ tím, FeO , NH_3 , Cu , CaCO_3 .

Câu 25. Hòa tan toàn 13,76 gam hỗn hợp X gồm hai muối NaCl và NaBr vào nước thu được dung dịch X. Cho khí clo lội từ từ cho đến dư qua dung dịch X thu được dung dịch Y. Làm bay hơi dung dịch Y cho tới khi thu được 12,87 gam muối khan B. Khối lượng của NaCl trong hỗn hợp X là

A. 11,7 gam

B. 5,85 gam

C. 8,77 gam

D. 9,3 gam

Đáp án đề kiểm tra cuối kì 2 môn Hóa học 10 - Đề số 3

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
B	D	A	B	D	B	C	A	A	A	A	B	B
14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
A	C	D	D	B	B	A	B	C	C	B	A	